CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Tư vấn sông Đà

Ngày 31/03/2025	7,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	**4.8%**

DT thuần *Q1/25*
10.1 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼6.70| -39.7%
YoY: ▼2.10| -16.9%

LN thuần *Q1/25*
0.20 *tỷ VNĐ*
QoQ: ▼0.12| -38.3%
YoY: ▼0.12| -38.3%

LN sau thuế *Q1/25*
0.28 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 0.06| 28.4%

Tỷ suất lãi EBIT *Q1/25*
4.4%
YoY: +/-▲ 1.7%

ROE (TTM) *Q1/25*
3.8%
YoY: +/-▲ 0.1%

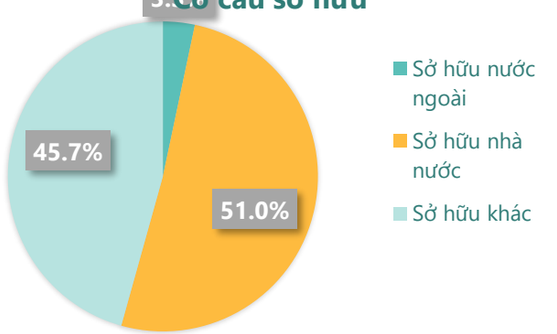
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	6,400 - 9,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	19
Số lượng CPLH (CP)	2,609,648
KLGD BQ 20 phiên (CP)	200
Sở hữu nước ngoài	3.3%
Beta	
EPS	769
P/E	9.4

DT thuần *2024*
73.0 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 20.5| 38.9%

LN thuần *2024*
2.42 *tỷ VNĐ*
YoY: ▲ 0.40| 19.9%

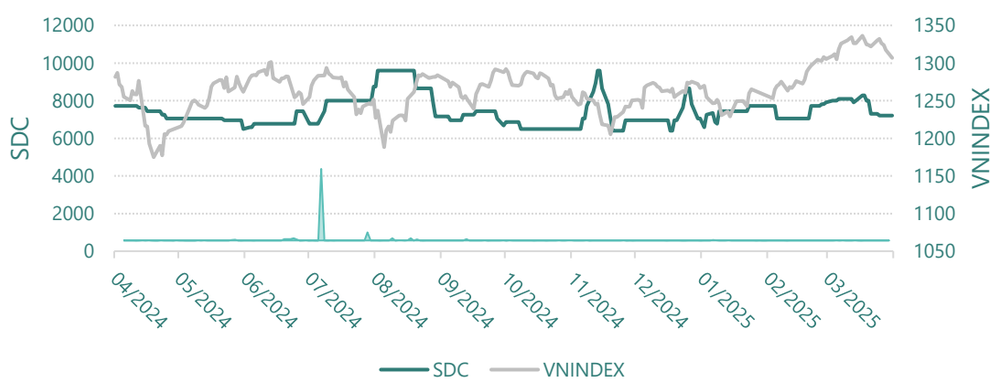
LN sau thuế *2024*
1.61 *tỷ VNĐ*
YoY: ▼0.19| -10.3%

Cơ cấu sở hữu

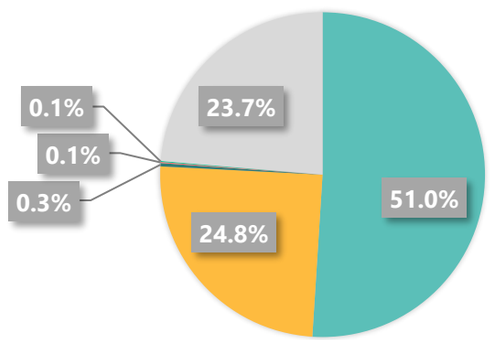


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

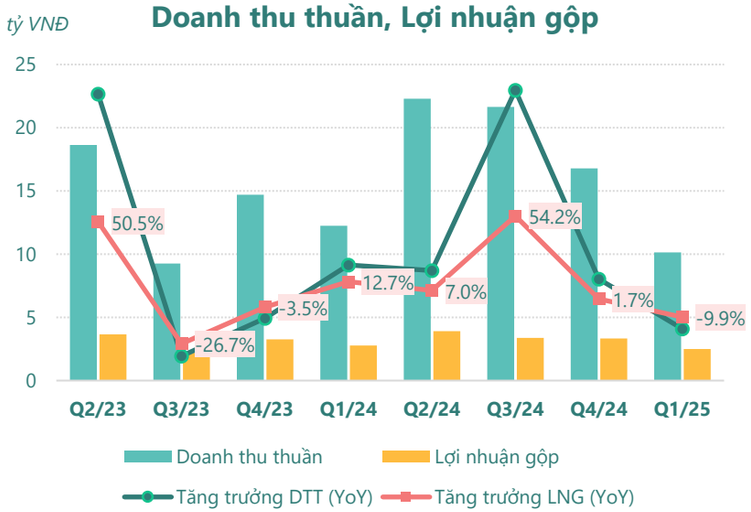


- Tổng Công ty Sông Đà - CTCP
- Phạm Anh Đức (Thành viên HĐQT)
- Phùng Hồng Quảng (Phó Tổng giám đốc)
- Bùi Thị Kim Khánh (Trưởng ban kiểm soát)
- Nguyễn Thị Mỹ Hương
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

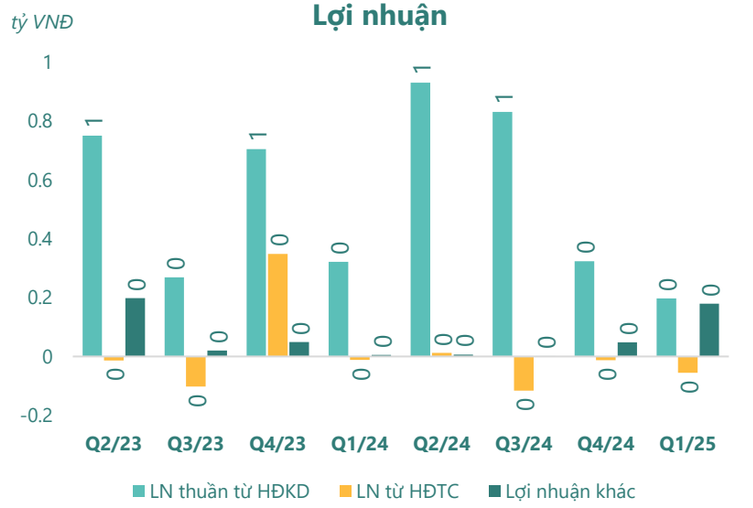
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



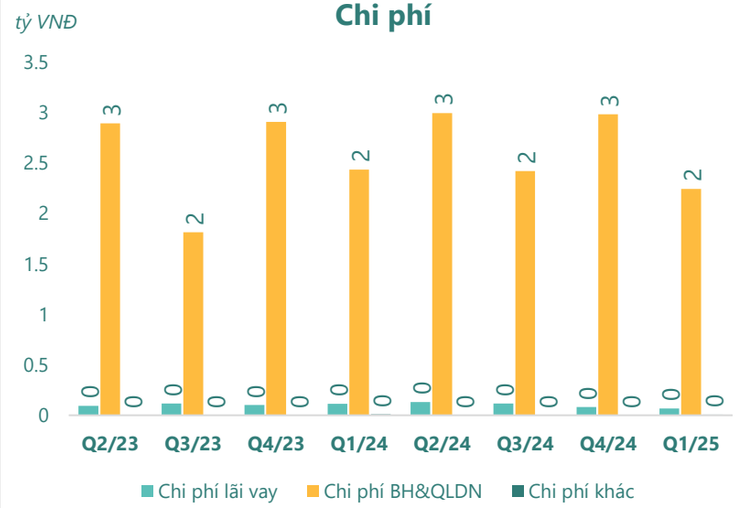
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



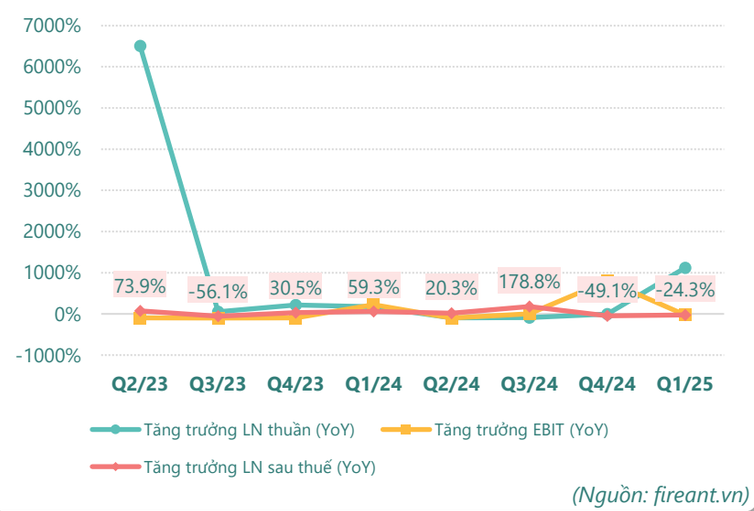
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



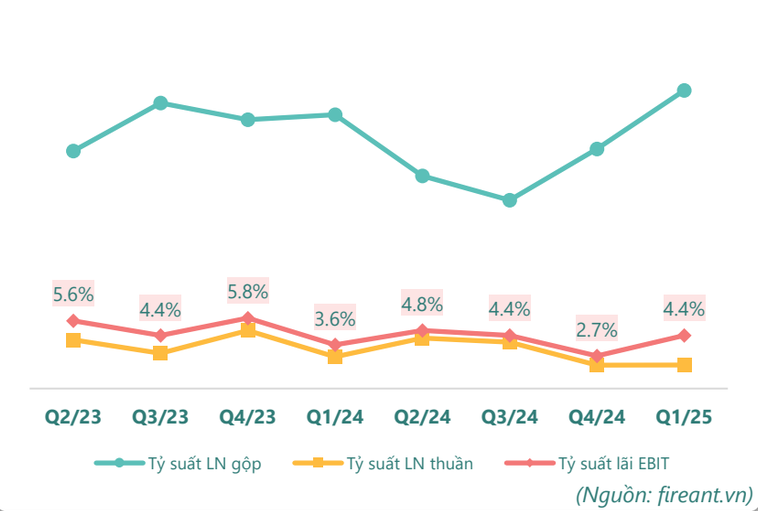
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



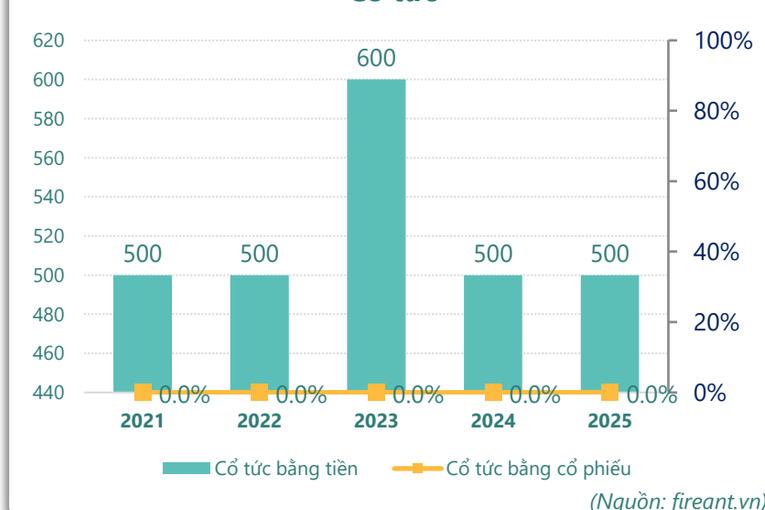
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

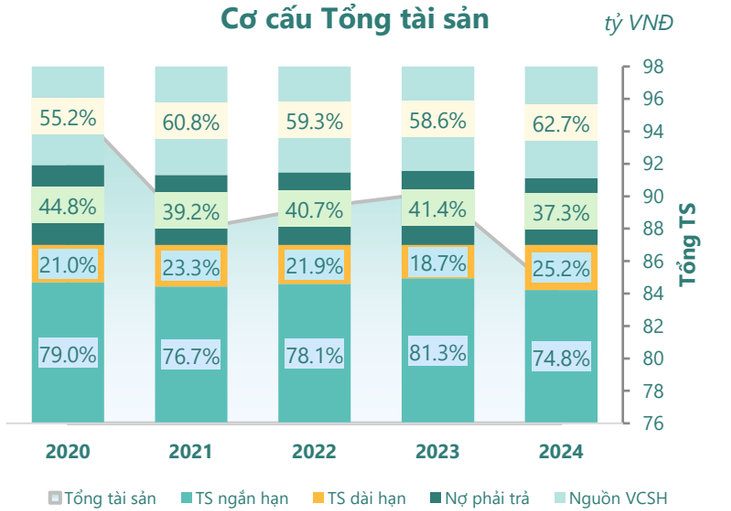
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

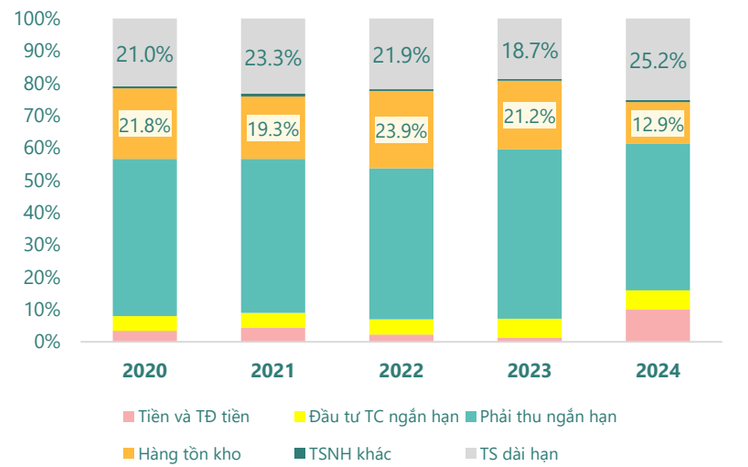
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



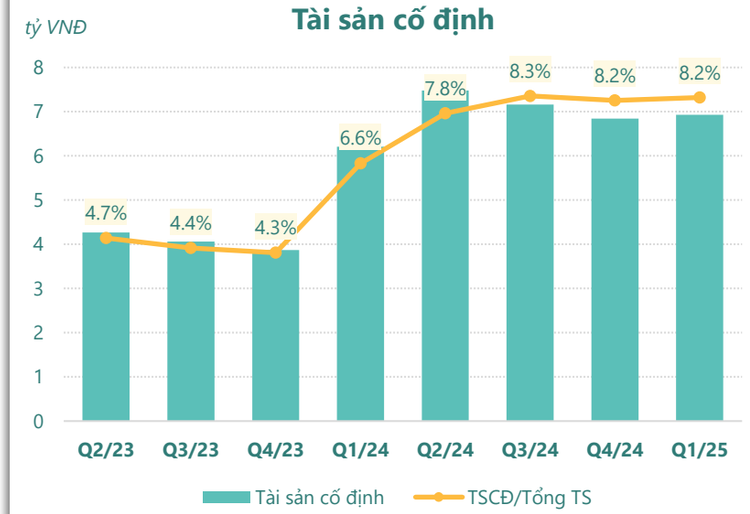
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



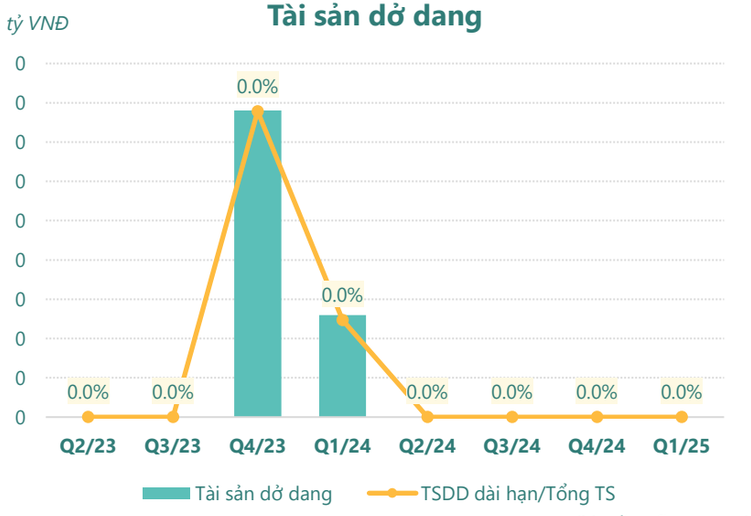
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



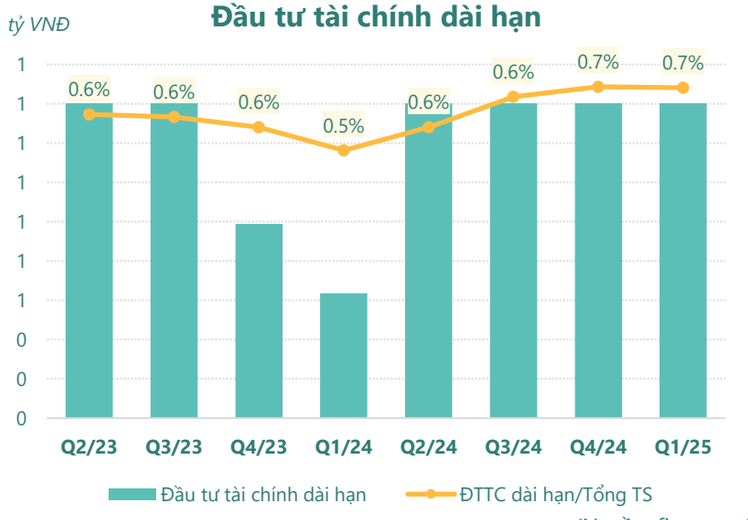
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



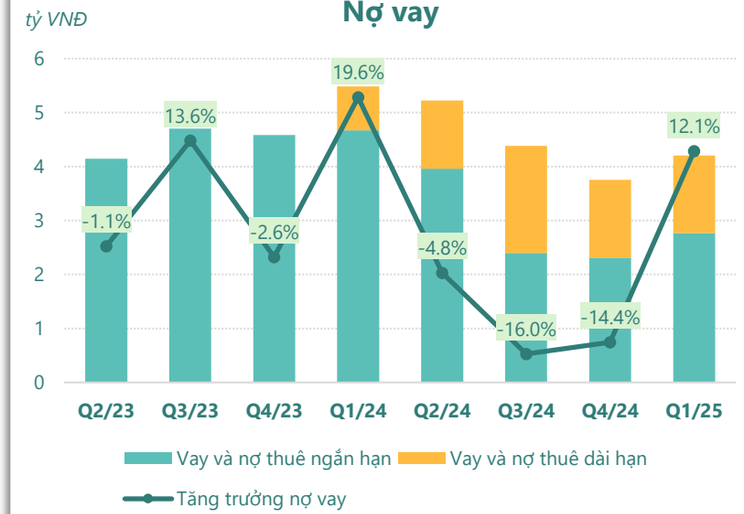
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

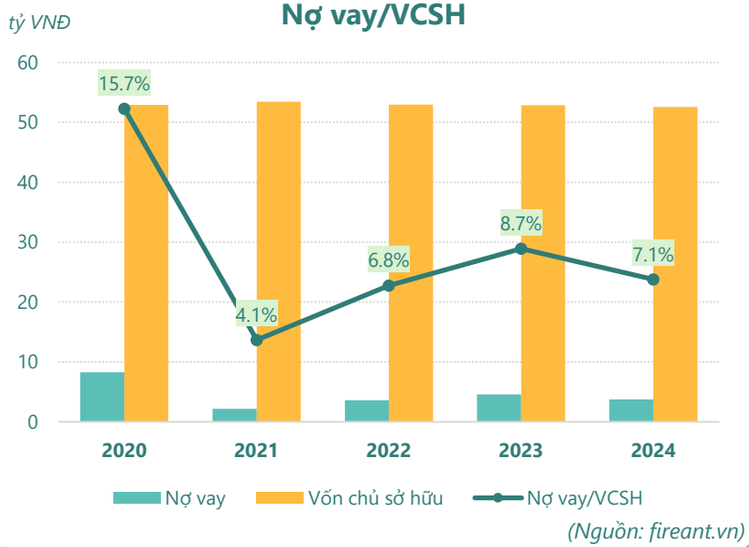
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

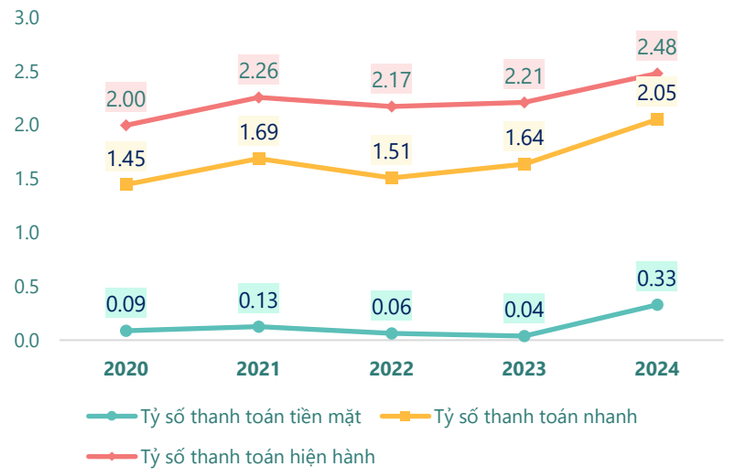
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



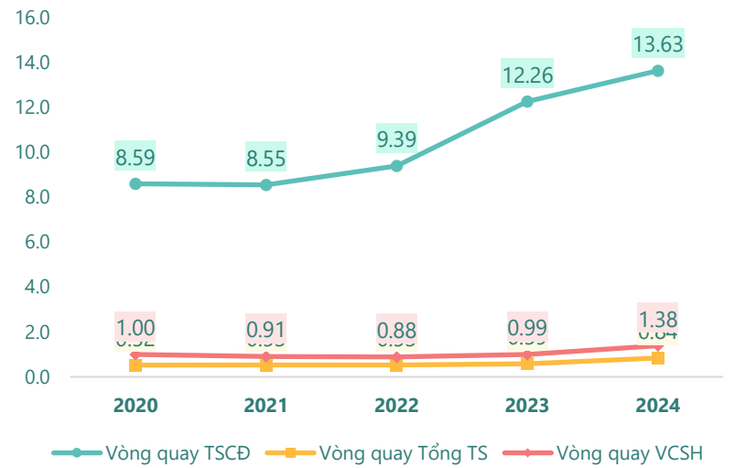
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



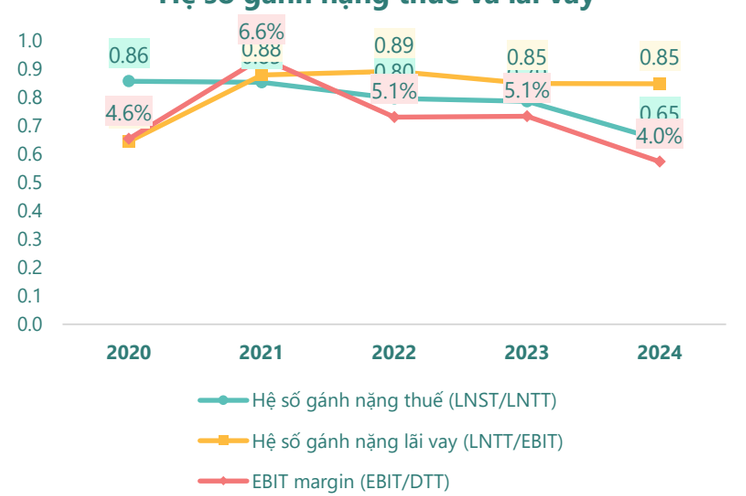
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



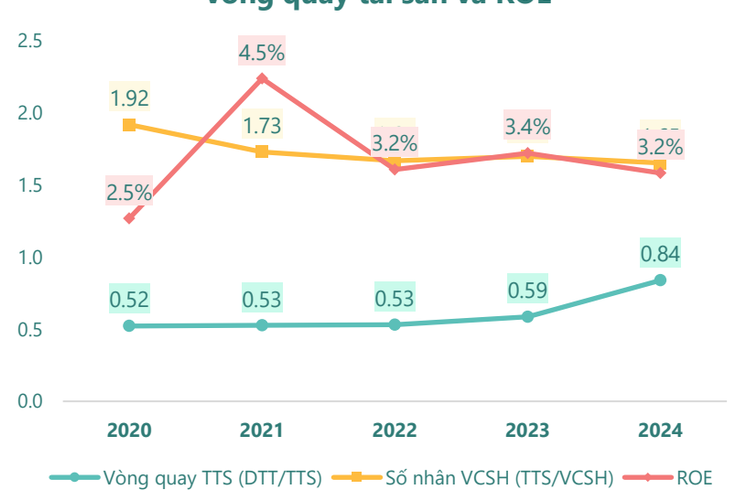
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



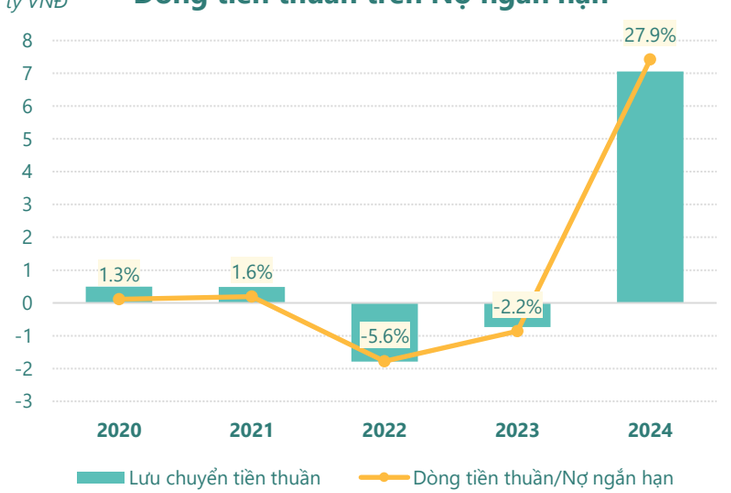
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**10.1**	**12.2**	**-16.9%**	**73.0**	**52.5**	**38.9%**
Giá vốn hàng bán	7.64	9.47	-19.4%	59.6	41.0	45.5%
Lợi nhuận gộp	2.50	2.77	-9.8%	13.4	11.6	15.6%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.12	-88.7%	0.29	0.61	-53.2%
Chi phí TC	0.07	0.13	-47.3%	0.41	0.44	-5.6%
Chi phí lãi vay	0.07	0.11	-37.7%	0.44	0.41	9.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.03	0.02	55.3%	0.11	0.10	1.7%
Chi phí QLDN	**2.21**	**2.41**	**-8.1%**	**10.7**	**9.63**	**11.5%**
LN thuần từ HĐKD	0.20	0.32	-38.3%	2.42	2.02	19.9%
Lợi nhuận khác	**0.18**	**0.01**	**1692%**	**0.06**	**0.27**	**-77.2%**
LN trước thuế	0.38	0.33	14.1%	2.48	2.29	8.4%
Lợi nhuận sau thuế	**0.28**	**0.22**	**28.4%**	**1.61**	**1.80**	**-10.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.31**	**0.24**	**28.0%**	**1.67**	**1.82**	**-8.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.53	1.18	-2.97	3.90	3.77	-2.40
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.65	0.44	3.63	-0.78	0.03	-1.87
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.12	0.90	-0.26	-2.14	-0.63	0.46
Tiền đầu kỳ	2.56	1.26	3.78	4.17	5.15	8.32
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.30**	**2.52**	**0.40**	**0.97**	**3.17**	**-3.82**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.26	3.78	4.17	5.15	8.32	4.50

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**84.1**	**83.9**	**0.3%**
Tài sản ngắn hạn	62.2	62.7	-0.9%
Tiền và tương đương tiền	4.50	8.32	-45.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.54	5.04	29.8%
Phải thu ngắn hạn	34.3	38.0	-9.6%
Hàng tồn kho	16.0	10.8	48.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.78	0.57	36.4%
Tài sản dài hạn	**22.0**	**21.2**	**3.8%**
Phải thu dài hạn	12.6	12.0	4.8%
Tài sản cố định	6.93	6.84	1.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.55	0.55	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.91**	**1.77**	**8.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	31.3	31.3	-0.1%
Nợ ngắn hạn	**25.3**	**25.3**	**-0.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2.77	2.31	19.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.21	1.85	19.2%
Nợ dài hạn	6.02	6.00	0.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.44	1.44	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**52.9**	**52.6**	**0.5%**
Vốn chủ sở hữu	**52.9**	**52.6**	**0.5%**
Vốn điều lệ	26.1	26.1	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)